

CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

PHÒNG ĐKSX

BÁO CÁO THÔNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

NGÀY 05 THÁNG 02 NĂM 2026

STT		Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rút	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
		TỔNG CỘNG						364 178	155 005	203 862			
I		<u>CẢNG CHÍNH</u>						45 515	23 119	22 396			
		<i>Tàu đã làm hàng (trong cầu)</i>						23 115	23 119	- 4			
1		ĐIỆN VŨNG ÁNG	04/02	88-B/02		VIỆT THUẬN 215-06	CẨM 5A.10	20 770	20 817	- 47	02/02	HỘ LỚN	THAY 88/02 (MỒN: 20.772,58)
2		ĐTTM&DV	04/02	336/02	11/02	BN 1798	BÙN 3B	1 345	1 326	19	02/02	TD	
3		VTT	04/02	326/02	11/02	BN 0937	CỤC XỎ 1C	1 000	976	24	02/02	TD	
		<i>Tàu dự kiến rút trong ngày</i>											
		<i>Tàu đã làm lệnh (trong cầu)</i>						22 400		22 400			
1		ĐIỆN VŨNG ÁNG	05/02	92/02		VIỆT THUẬN 235-06	CẨM 5A.10	22 400		22 400		HỘ LỚN	THAY 87/02
		<u>Tàu chuyển tải</u>						185 250	80 921	104 329			
		<i>Tàu đã làm hàng</i>						46 000	45 976	24			
1		ĐIỆN VĨNH TÂN 1	24/01	60/01		VIỆT THUẬN OCEAN	CẨM 6A.1	46 000	45 976	24	05/02	HỘ LỚN	TTCO: 25.198,82 - KVCP: 5.792,69 - TTHG: 14.986,86
		<i>Tàu dự kiến rút trong ngày</i>						71 050	34 945	36 105			
1		ĐIỆN VŨNG ÁNG	27/01	69/01		VIỆT THUẬN 235	CẨM 5A.10	22 750	19 470	3 280	RÓT DỖ	HỘ LỚN	CLM: 20.000 - KVDB: 2.750
2		ĐIỆN VĨNH TÂN 2	29/01	71/01		VIỆT THUẬN 235-02	CẨM 6A.10	25 000	12 975	12 025	RÓT DỖ	HỘ LỚN	KDTCP: 8.000 - CLM: 5.000 KVCP: 12.000
3		ĐIỆN VŨNG ÁNG	02/02	86/02		TRƯỜNG NGUYỄN STAR	CẨM 5A.10	23 300	2 500	20 800	RÓT DỖ	HỘ LỚN	CLM: 19.000 - KVDB: 4.300
		<i>Tàu đã làm lệnh (chuyển tải)</i>						68 200		68 200			
1		ĐIỆN VĨNH TÂN 2	26/01	68/01		TRƯỜNG NGUYỄN SKY	CẨM 6A.10	26 200		26 200		HỘ LỚN	KDTCP: 8.000 - CLM: 5.000 - KVCP: 13.200
2		ĐIỆN VĨNH TÂN 1	02/02	89/02		VIỆT THUẬN STAR	CẨM 6A.1	42 000		42 000		HỘ LỚN	TTCO: 27.000 - TTHG: 15.000
II		<u>KHO G9-HÓA CHẤT</u>						18 087	8 122	9 965			
		<i>Tàu đã làm hàng</i>						6 550	6 500	50			
1		ĐTTM&DV	03/02	313/02	10/02	BN 0679	CỤC 1B	1 150	1 139	11	05/02	TD	NGUỒN ĐN-CS
2		DVVT QUẢNG NINH	03/02	320/02	10/02	HP 6124	CẨM 8A	1 700	1 699	1	05/02	TD	NGUỒN ĐN-CS
3		HÀNG HẢI VN	03/02	315/02	10/02	HP 6131	CẨM 8A	1 800	1 769	31	05/02	TD	NGUỒN ĐN-CS
4		VTA	05/02	339/02	12/02	QN 9379	CẨM 8A	1 900	1 893	7	05/02	TD	NGUỒN ĐN-CS
		<i>Tàu dự kiến rút trong ngày</i>						4 865	1 621	3 244			
1		THAN MIỀN TRUNG	04/02	333/02	11/02	HN 2089	CỤC 1A	1 000	621	379	RÓT DỖ	TD	NGUỒN ĐN-CS
2		VTT	05/02	343/02	12/02	BN 2398	CẨM 8A	1 945	1 000	945	RÓT DỖ	TD	NGUỒN ĐN-CS
3		CROMIT	04/02	327/02	11/02	BN 2212	ĐON 8C	1 920		1 920		TD	NGUỒN TTCO
		<i>Tàu đã làm lệnh</i>						6 672		6 672			
1		VTT	03/02	315/02	10/02	BN 1135	CỤC 1A	910		910		TD	NGUỒN ĐN-CS
2		SÔNG HỒNG	04/02	328/02	11/02	BN 2112	CỤC 1A	1 000		1 000		TD	NGUỒN ĐN-CS

CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

PHÒNG ĐKSX

BÁO CÁO THÔNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

NGÀY 05 THÁNG 02 NĂM 2026

STT		Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rót	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
3		TRƯỜNG ANH 888	04/02	329/02	11/02	BN 0719	CỤC 1B	1 162		1 162		TD	NGUỒN ĐN-CS
4		KDT HÀ NỘI	04/02	337/02	11/02	BN 2992	CỤC 1B	1 000		1 000		TD	NGUỒN ĐN-CS
5		ĐTTM&DV	05/02	344/02	12/02	BN 2115	DON 8C	1 500		1 500		TD	NGUỒN TTCO
6		THAN MIỀN NAM	05/02	346/02	12/02	BN 2646	CỤC 1B	1 100		1 100		TD	NGUỒN ĐN-CS
<u>III</u>		<u>KHO BẢO NGUYỄN</u>						<u>5 704</u>	<u>2 364</u>	<u>3 340</u>			
		Tàu đã làm hàng						2 368	2 364	4			
1		ĐIỆN PHẢ LẠI	02/02	85/02	16/02	TD 03-VT	CÁM 5A.14	2 368	2 364	4	05/02	HỘ LỚN	THAY 81/02
		Tàu dự kiến rót trong ngày						1 716		1 716			
1		ĐIỆN PHẢ LẠI	04/02	90/02	19/02	QN 4113	CÁM 5B.14	1 716		1 716		HỘ LỚN	
		Tàu đã làm lệnh						1 620		1 620			
1		ĐIỆN PHẢ LẠI	05/02	91/02	20/02	QN 4080	CÁM 5B.14	1 620		1 620		HỘ LỚN	
<u>IV</u>		<u>KHO CẢNG KM6</u>						<u>23 311</u>	<u>15 110</u>	<u>8 201</u>			
		Tàu đã làm hàng						15 343	15 110	233			
1		NHÔM LẮM ĐỒNG	04/02	330	11/02	HOÀNG ANH 688 (BN 2886)	CÁM 5A.1	2 400	2 285	115	05/02	BAUXIT	
2		NHÔM LẮM ĐỒNG	04/02	330	11/02	HOÀNG ANH 688 (BN 2886)	CỤC 4A.2	1 850	1 767	83	05/02	BAUXIT	
3		KDT MIỀN BẮC	04/02	334	14/02	BN 2728	CÁM 6B.1	2 585	2 578	7	05/02	PTCB	
4		CROMIT	05/02	338	15/02	TH 0686	CÁM 6A.1	960	953	7	05/02	PTCB	
5		KDT BẮC TRUNG BỘ	05/02	340	15/02	NB 8901	CÁM 5B.1	2 380	2 371	9	05/02	PTCB	
6		KDT MIỀN BẮC	05/02	350	15/02	HD 5685	CÁM 6B.1	5 168	5 155	13	05/02	PTCB	
		Tàu dự kiến rót trong ngày						6 080		6 080			
1		KDT MIỀN BẮC	05/02	347	15/02	BN 2662	CÁM 5B.1	1 950		1 950		PTCB	
2		KDT HẢI PHÒNG	05/02	348	15/02	BN 2366	CÁM 5B.1	1 930		1 930		PTCB	
3		DVVT QUẢNG NINH	01/02	296	07/02	BN 1809	DON 8A	1 050		1 050		TD	NGUỒN QH
4		ĐTTM&DV	05/02	345	12/02	BN 2519	CỤC 1B	1 150		1 150		TD	NGUỒN QH
		Tàu đã làm lệnh						1 888		1 888			
1		DVVT QUẢNG NINH	05/02	342	12/02	BN 2568	BÚN 3C	1 888		1 888		TD	NGUỒN QH
<u>V</u>		<u>TÀU XUẤT KHẨU</u>						<u>63 000</u>	<u>11 470</u>	<u>51 530</u>			
		Tàu đã làm hàng											
		Tàu dự kiến rót trong ngày						58 000	11 470	46 530			
1		NHẬT BẢN	31/01	07/01/XK		HD SUN	CÁM 3B.1	25 000	9 970	15 030	RÓT ĐỎ		
2		INDONESIA	30/01	06/01/XK		AN HAI CONFIDENCE	CỤC 5B.2	30 000	1 500	28 500	RÓT ĐỎ		
3		CAMPUCHIA	20/01	04/01/XK		MV NAM SON 16	CỤC 4A.1	3 000		3 000			

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

NGÀY 05 THÁNG 02 NĂM 2026

[illegible]